

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 12 - TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 88/2026/HNGĐ-ST

Ngày 25-3-2026

V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 - TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Tiến Danh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Văn;

2. Ông Nguyễn Tấn Minh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bình Nhi - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 12 - Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 12 - Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 12 - Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 45/2026/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 01 năm 2026 về việc “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 41/2026/QĐST-HGND ngày 17 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Võ Thị Ngọc H, sinh năm 1993. CCCD: 0721930086aa. Địa chỉ: Ấp T, xã H, tỉnh Tây Ninh (trước đây là ấp T, xã Đ, thị xã T, tỉnh Tây Ninh). “*vắng mặt*”

2. *Bị đơn:* Ông Phạm Xuân L, sinh năm 1986. CCCD: 0720860015bb. Địa chỉ: Ấp T, xã H, tỉnh Tây Ninh (trước đây là ấp T, xã Đ, thị xã T, tỉnh Tây Ninh). “*vắng mặt*”

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 09/01/2026, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn - bà Võ Thị Ngọc H đã trình bày: Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Phạm Xuân L có tìm hiểu nhau một thời gian thì tiến đến hôn nhân tự nguyện vào năm 2013, có

đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện T, tỉnh Tây Ninh và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào cùng năm. Vợ chồng sống hạnh phúc đến giữa năm 2025 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không còn hợp nhau về tính tình; từ đó dẫn cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Vợ chồng ly thân từ tháng 10/2025 cho đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hòa giải hàn gắn được nên bà yêu cầu ly hôn đối với ông Phạm Xuân L.

Về con chung: Bà và ông L có hai con chung tên Phạm Võ Ngọc T, sinh ngày 22/8/2015 và Phạm Võ Xuân T1, sinh ngày 04/8/2017; hiện tại cháu Ngọc T và cháu Xuân T1 đang sống với với bà. Khi ly hôn, bà yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Ngọc T và cháu Xuân T1, không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà và ông L không có, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Bà cam kết vợ chồng không có nợ chung ai, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn - ông Phạm Xuân L đã được Tòa án tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án; triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng vắng mặt không có lý do, không có bản tự khai, không trình bày lời khai theo yêu cầu của Tòa án.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi vào nghị án được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do là chưa chấp hành và chưa thực hiện đúng về quyền và nghĩa vụ tố tụng. Nguyên đơn vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt tất cả nguyên đơn và bị đơn là đúng pháp luật.

- Về nội dung: Căn cứ vào các Điều 56, 58, 71, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình đề nghị: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H đối với ông L, bà H được ly hôn với ông L; về con chung: giao cháu Ngọc T và cháu Xuân T1 cho bà H tiếp tục nuôi dưỡng, ghi nhận bà H không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

- Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Bà H phải chịu tiền án phí theo quy định pháp luật; ông L

không phải chịu án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án do các bên cung cấp và qua kết quả thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Bà Võ Thị Ngọc H khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Phạm Xuân L, ông L có địa chỉ tại xã H, tỉnh Tây Ninh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 12 - Tây Ninh theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết, ông L đã được Tòa án cấp, tổng đạt, thông báo hợp lệ nhưng ông L vắng mặt không có lý do nên căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông L. Ông L phải chịu hậu quả của việc không cung cấp chứng cứ và không thực hiện nghĩa vụ chứng minh cho quyền và lợi ích hợp pháp của mình theo quy định tại các Điều 6, 72 và 91 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bà H vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng bà H. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] Về hôn nhân: Bà H và ông L trên cơ sở tự nguyện tiến đến hôn nhân từ năm 2013 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện T, tỉnh Tây Ninh (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 68 ngày 31/5/2013) nên hôn nhân của ông bà là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Về nguyên nhân mâu thuẫn, bà H cho rằng vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không còn hợp nhau về tính tình nên vợ chồng đã ly thân từ tháng 10/2025 cho đến nay; lời trình bày của bà H phù hợp với tài liệu, chứng cứ đã được Tòa án thu thập. Mặt khác, Tòa án triệu tập hòa giải nhiều lần nhưng ông L không đến, cho thấy ông L không có thiện chí hàn gắn. Xét thấy, hôn nhân giữa bà H và ông L đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H đối với ông L theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Bà H và ông L thống nhất có hai con chung tên Phạm Võ Ngọc T, sinh ngày 22/8/2015 và Phạm Võ Xuân T1, sinh ngày 04/8/2017; hiện tại cháu Ngọc T và cháu Xuân T1 đang sống với bà H. Khi ly hôn, bà H yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng cháu Ngọc T và cháu Xuân T1, cùng phù hợp với nguyện của hai cháu nên tiếp tục nuôi dưỡng giao cháu Ngọc T và cháu Xuân T1 cho bà H tiếp tục nuôi dưỡng. Ghi nhận bà H không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà H trình bày không có, không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[5] Đối với đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 - Tây Ninh kiểm sát là phù hợp, có căn cứ nên chấp nhận.

[6] Về án phí: Bà H phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông L không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 147 của Bộ Luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Võ Thị Ngọc H với ông Phạm Xuân L. Bà H được ly hôn với ông L.

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Võ Ngọc T, sinh ngày 22/8/2015 và Phạm Võ Xuân T1, sinh ngày 04/8/2017 cho bà Võ Thị Ngọc H tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng. Ghi nhận bà H không yêu cầu ông Phạm Xuân L cấp dưỡng nuôi con.

Ông Phạm Xuân L không trực tiếp nuôi con, có quyền và nghĩa vụ đến thăm nuôi con chung mà không ai được quyền cản trở. Trường hợp bên không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nuôi nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì bên trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật. Bên trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được quyền cản trở bên không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Khi cần thiết, trên cơ sở lợi ích của con thì bên trực tiếp nuôi con, bên không trực tiếp nuôi con, cơ quan, tổ chức và cá nhân có thẩm quyền có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà H không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Bà Võ Thị Ngọc H phải chịu 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, cho khấu trừ số tiền đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số: 0000982 ngày 14/01/2026 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 12, tỉnh Tây Ninh. Ông Phạm Xuân L không phải chịu án phí.

5. Quyền kháng cáo: Bà Võ Thị Ngọc H, ông Phạm Xuân L có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND khu vực 12;
- THADS tỉnh Tây Ninh;
- PTHADS khu vực 12;
- UBND xã Hưng Thuận;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Tiến Danh